TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST Ngày 20-01-2020 V/v: "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Mầm

2. Ông Hoàng Viết Thống

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 20 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 767/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/9/2019 về "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Bích T - Sinh năm 1995 - vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khối N, phường E, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Anh Đặng Hoàng H - Sinh năm 1994 - vắng mặt

Địa chỉ: đường A, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 9 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Bùi Thị Bích T trình bày: Chị T tự nguyện chung sống với anh H từ năm 2012, đến ngày 27/5/2015 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường E, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; Nguyên nhân do anh H cờ bạc, ngoại tình, không quan tâm tới vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2019 cho đến

nay. Trong thời gian ly thân cả hai bên đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm, mà bỏ mặc không quan tâm tới nhau. Nay chị T xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Đặng Hoàng Bảo A, sinh ngày 24/7/2012. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Hoàng Bảo A đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện chị T đang buôn bán quần, áo thu nhập trung bình 7.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Hoàng H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đặng Hoàng H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai; Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Bùi Thị Bích T và anh Đặng Hoàng H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, đến ngày 27/5/2015 đăng ký kết hôn tại UBND phường E, Thành phố B, tỉnh Đắk; Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân chị T – anh H xảy ra mâu thuẫn và căng thẳng từ tháng 4/ 2019, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, từ khi ly thân đến nay cả hai bên đều không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, giải quyết mâu thuẫn mà bỏ mặc ai nấy sống không quan tâm tới nhau; Chính quyền địa phương xác nhận từ giữa năm 2019 anh H và chị T không còn chung sống với nhau nữa. Về phía anh H, quá trình giải quyết vụ án đã được tống đạt thông báo thụ lý hợp lệ, nhưng anh H không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T – anh H đã kéo dài và ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh H của chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Đặng Hoàng Bảo A, sinh ngày 24/7/2012, từ khi vợ chồng ly thân cháu Anh đều ở với chị T, chị T có việc làm thu nhập ổn định, mặt khác cháu A cũng xin được ở với chị T. Để đảm bảo việc ăn ở, học hành ổn định cho cháu A nên cần chấp nhận ý kiến của chị T là giao cháu A cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và công nợ: Chị T xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Bích T và anh Đặng Hoàng H.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là Đặng Hoàng Bảo A, sinh ngày 24/7/2012cho chị Bùi Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Anh Đặng Hoàng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Đương sự xác định không có tài sản và công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại

chi cục thi hành án dân sự Thành phố B theo biên lại thu tiền số: 0004859 ngày 25/9/2019.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND p. E, Tp.BMT;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Dư